

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2509KH-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH

Khắc phục hậu quả bom, mìn, vật nổ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-TTg ngày 21/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh giai đoạn 2010-2025;

Căn cứ Nghị định số 18/2019/NP-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh;

Căn cứ Thông tư 195/2019/TT-BQP ngày 27/12/2019 của Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành nghị định 18/2019/NĐ-CP về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh;

Căn cứ kết quả thực hiện “Điều tra, khảo sát và đánh giá tác động của ô nhiễm bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do Trung tâm Công nghệ xử lý bom mìn kết hợp Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các địa phương hợp thực hiện; Hồ sơ, bản đồ ô nhiễm bom mìn, vật nổ sau chiến tranh của Bộ CHQS tỉnh Đồng Nai;

UBND tỉnh Đồng Nai xây dựng Kế hoạch khắc phục hậu quả bom mìn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội

- Đồng Nai là tỉnh Miền Đông Nam bộ, diện tích tự nhiên 5.862,37 km², bằng 1,76% diện tích tự nhiên của cả nước và 25,5% diện tích tự nhiên vùng Đông Nam bộ; giữ vị trí quan trọng trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước.

- Địa hình trung du, thoải dần từ Đông - Bắc xuống Tây - Nam; địa chất ổn định, hệ thống sông ngòi có sông Đồng Nai chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam; hệ thống đường bộ có các trục lộ đi qua như Quốc lộ 1A, QL 20, QL 51, QL 56, cao tốc Tp. HCM - Long Thành - Dầu Giây nối với các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hiện nay, tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (02 thành phố, 9 huyện) có 170 phường, xã, thị trấn.

2. Thực trạng ô nhiễm bom mìn, nguồn lực và khả năng khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ

a) Thực trạng ô nhiễm bom mìn, vật nổ

- Trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, trên địa bàn tỉnh có nhiều căn cứ quân sự của Pháp, Mỹ và chế độ cũ, như: Căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật “Thành Tuy Hạ” (thời Pháp thuộc), thời Mỹ Ngụy là căn cứ “Phan Bội Châu” tại địa bàn huyện Nhơn Trạch, nơi này tiếp nhận, cung cấp vũ khí cho quân viễn chinh Pháp trong chiến tranh Đông Dương. Có sân bay Biên Hòa là sân bay quân sự lớn nhất Đông Nam Á lúc bấy giờ; căn cứ hỗn hợp Hậu cần – Kỹ thuật Long Bình và căn cứ Sở Chỉ huy Quân đoàn III Ngụy (tại thành phố Biên Hòa); Sư đoàn 3 Ngụy (tại Long Khánh); ngoài ra còn có hệ thống các chi khu quân sự, đồn bốt, trận địa hỏa lực vv... Để bảo vệ căn cứ địch thường sử dụng vật cản kết hợp các chủng loại mìn chống tăng, mìn chống bộ binh, mìn chiếu sáng, thủy lôi lập vành đai bảo vệ an toàn căn cứ.

- Ngoài ra địch thường sử dụng không quân, pháo binh đánh phá nơi nghi ngờ có lực lượng ta có bố trí, cơ động lực lượng, tổ chức tiến công; với mục đích muốn cách ly thường dân ra khỏi lực lượng du kích quân Giải phóng miền Nam Việt Nam chính quyền Ngô Đình Diệm cho ra đời kế hoạch áp chiến lược “Dồn dân, lập ấp” được bảo vệ với hàng rào kẽm gai kết hợp mìn v.v...

- Trên địa bàn tỉnh có nhiều cơ sở của chính quyền cách mạng đặc biệt là căn cứ “Chiến khu D” nơi đặt Trung ương cục và Quân ủy Miền Đông nơi lãnh đạo và chỉ huy chiến trường miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, địch thường tổ chức lực lượng càn quét kết hợp sử dụng không quân, pháo binh đánh phá ác liệt.

- Trong chiến tranh trên địa bàn tỉnh diễn ra nhiều chiến dịch và trận đánh ác liệt giữa ta và địch đặc biệt là cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa Xuân Mậu Thân 1968 và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975, tỉnh Đồng Nai là cửa ngõ phía Đông Sài Gòn, địch tổ chức phòng thủ quyết liệt.

- Lượng bom mìn vật nổ chưa nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh rất lớn, phạm vi rộng, sau giải phóng quân và dân ta đã tổ chức thu gom, tiêu hủy chủ yếu là số tồn lưu và phát hiện trên mặt đất và ở độ sâu hạn chế, một phần do hoạt động sản xuất của Nhân dân và do người dân hành nghề tìm kiếm phế liệu trước đây phát hiện. Số bom mìn vật nổ còn sót lại chủ yếu nằm ở độ sâu dưới 0,3m đến 3m hoặc $\geq 5m$ chưa được phát hiện; Lượng bom mìn từ dưới mặt đất đến độ sâu 0,3m chủ yếu là vùng đất hoang hóa quanh sân bay Biên Hòa và rừng nguyên sinh “Bảo tồn sinh thái – di tích lịch sử chiến khu D” tại huyện Vĩnh Cửu.

- Trong thời kỳ mở cửa thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, theo yêu cầu của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, của chính quyền địa phương, các dự án phát triển hạ tầng kinh tế xã hội và an sinh cho

Nhân dân được lực lượng công binh của tỉnh, công binh chuyên trách các cấp thuộc Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà phá, xử lý, thu gom, tiêu hủy, nhưng với số lượng diện tích hạn chế, chỉ trong phạm vi yêu cầu của dự án; nguồn kinh phí thực hiện chủ yếu từ nguồn kinh phí của chủ đầu tư dự án, ngân sách địa phương và nguồn kinh phí khác.

Theo điều tra khảo sát lập bản đồ ô nhiễm bom mìn do Bộ CHQS tỉnh phối hợp Trung tâm công nghệ xử lý bom mìn Bộ Tư lệnh Công binh và các địa phương thực hiện năm 2011, tổng diện tích ô nhiễm bom mìn toàn tỉnh 62.305ha/586.646 ha, chiếm tỷ lệ 10,62% diện tích tự nhiên; Giai đoạn 2010 đến 2015 đã rà phá được khoảng 4.100ha

b) Nguồn lực và khả năng khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ

Về nguồn nhân lực khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ: Hiện tại Bộ CHQS tỉnh có 01 Đại đội Công binh hàng năm huấn luyện đầy đủ về kỹ chiến thuật chuyên ngành; thực hiện tốt công tác dò tìm, thu gom, xử lý tiêu hủy bom mìn vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn; trên địa bàn tỉnh có Lữ đoàn 25 Công binh Quân khu 7; công binh của các đơn vị đứng chân trên địa bàn có khả năng thực hiện tốt công tác rà phá bom mìn vật nổ nếu được giao nhiệm vụ.

II. KẾT QUẢ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ BOM MÌN, VẬT NỔ SAU CHIẾN TRANH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Đã rà phá sạch bom mìn vật nổ, diện tích khoảng 4.500 (ha), nằm trên địa bàn 11 địa phương; lượng bom mìn phát hiện sau chiến tranh do nhân dân phát hiện trên địa bàn toàn tỉnh và thu được từ các hạng mục rà phá bom mìn của các dự án đã được tiêu hủy khoảng 20 tấn các loại.

2. Kinh phí đảm bảo cho nhiệm vụ khắc phục hậu quả bom mìn, vật nổ trong giai đoạn 2016 – 2020 khoảng 168 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước 94 tỷ đồng, ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác 74 tỷ đồng.

3. Kế hoạch khắc phục hậu quả bom mìn, vật nổ giai đoạn năm 2021 – 2025 UBND tỉnh Đồng Nai đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng bố trí nguồn vốn triển khai dự án rà phá bom mìn, vật nổ theo Quyết định số 504/QĐ-TTg ngày 21/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh.

III. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 504/QĐ-TTg ngày 21/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình hành động Quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh, giai đoạn 2010 – 2025; và Nghị định số 18/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ, về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh.

Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực trong tỉnh và Trung ương, hỗ trợ, các nguồn vốn khác nhằm giảm thiểu và tiến tới khắc phục hoàn toàn ảnh

hưởng của bom mìn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an sinh cho Nhân dân; giúp đỡ nạn nhân bom mìn hòa nhập đời sống xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2021 - 2025, tiếp tục triển khai rà phá bom mìn, vật nổ khắc phục hậu quả sau chiến tranh lồng ghép vào các dự án phát triển kinh tế xã hội, phân đấu giải phóng đất bị nghi ngờ ô nhiễm bom mìn, vật nổ khoảng trên 10.300 (ha), độ sâu rà phá bom mìn đến 3m, 5m tính từ mặt đất hiện hữu hoặc đáy ao hồ trở xuống đối với các dự án khác nhau. Diện tích còn lại sẽ tiếp tục thực hiện trong những năm tiếp theo.

- Tuyên truyền giảm thiểu tai nạn bom mìn, vật nổ: Tăng cường trách nhiệm của cả hệ thống chính trị (chính quyền và cơ quan chức năng của các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội) đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức phòng tránh tai nạn bom mìn cho Nhân dân, nhất là thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh.

IV. THỜI GIAN, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG KẾ HOẠCH

1. Thời gian thực hiện (Giai đoạn 2021 - 2025)

2. Phạm vi hoạt động kế hoạch

- Trên địa bàn hành chính 11 địa phương thuộc tỉnh.

- Xác định chính xác các địa điểm còn sót bom mìn, vật nổ cũng như việc cần ưu tiên rà phá theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an toàn cho nhân dân; ưu tiên cho các địa bàn xây dựng vùng kinh tế mới, các điểm giãn dân và các khu vực phát triển tập trung và đông dân cư.

- Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn cho Nhân dân.

- Hỗ trợ nạn nhân, hỗ trợ tái định cư cho Nhân dân vùng ô nhiễm bom mìn theo kết quả điều tra, khảo sát.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH

1. Tiếp tục triển khai các dự án rà phá bom mìn, vật nổ kết hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và các địa phương, nhu cầu sử dụng đất từ đó xác định được khối lượng diện tích rà phá.

2. Tổ chức thu gom bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh theo đề nghị của các đơn vị cơ sở cũng như trình báo của người dân phát hiện được.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức phòng tránh tai nạn bom mìn cho Nhân dân, nhất là học sinh, sinh viên, thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh thông qua các phương tiện thông tin đại chúng sách báo, in ấn tờ rơi kết hợp với các khẩu hiệu, pano, áp phích.

4. Thực hiện chính sách hỗ trợ nạn nhân bị tai nạn bom mìn, vật nổ và người dân sống trong khu vực bị ô nhiễm bom mìn, vật nổ; nâng cao năng lực hoạt động của tuyến y tế cơ sở cấp cứu và chăm sóc nạn nhân bom mìn.

5. Xây dựng nguồn nhân lực hoạt động điều phối, quản lý, giám sát và thực hiện rà phá bom mìn vật nổ; ứng dụng khoa học kỹ thuật trong chế tạo, tiếp thu chuyển giao công nghệ rà phá bom mìn.

VI. CHỈ TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Chỉ tiêu thực hiện kế hoạch

- Chỉ tiêu giảm thiểu tai nạn và rủi ro: Giảm thiểu tối đa tai nạn bom mìn gây ra.

- Chỉ tiêu giảm thiểu diện tích nghi ngờ ô nhiễm và diện tích đất đai được điều tra khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ; giai đoạn 2021-2025 sẽ phân đầu triển khai thi công rà phá khoảng trên 10.300 (ha) đất nghi ngờ ô nhiễm bom mìn, vật nổ.

- Chỉ tiêu giáo dục nâng cao nhận thức phòng tránh tai nạn: Tăng cường tuyên truyền, đẩy mạnh hoạt động giáo dục phòng tránh bom mìn cho các đối tượng, nhất là thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ tiêu hỗ trợ nạn nhân bom mìn: Thực hiện theo qui định của pháp luật hiện hành về chính hỗ trợ nạn nhân bị tai nạn bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh.

- Chỉ tiêu giảm thiểu tỷ lệ hộ nghèo và an sinh xã hội trong khu vực ô nhiễm bom mìn, vật nổ.

2. Giải pháp thực hiện kế hoạch

- Giải pháp chính sách cơ chế: Phát huy vai trò quản lý nhà nước trong xây dựng kế hoạch khắc phục hậu quả bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh giai đoạn 2021-2025, giao Bộ CHQS tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Giải pháp nguồn vốn: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh; vốn bảo đảm cho các dự án thuộc kế hoạch được cân đối trong dự toán ngân sách địa phương, Trung ương hỗ trợ; xây dựng chính sách thu hút tài trợ vốn hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các cá nhân nước ngoài và các tổ chức, cá nhân trong nước cho công tác khắc phục hậu quả bom mìn còn sót lại sau chiến tranh; mức kinh phí cụ thể của các dự án được bố trí theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Giải pháp nhân lực: Xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực cho công tác khắc phục bom mìn, đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý điều hành công tác khắc phục hậu quả bom mìn.

VII. HIỆU QUẢ KẾ HOẠCH

1. Dự án rà phá bom mìn, vật nổ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai khi được triển khai sẽ mang ý nghĩa kinh tế xã hội to lớn; khi dự án hoàn thành sẽ giúp đưa vào sử dụng hàng nghìn héc ta đất đai ô nhiễm bom mìn, vật nổ phục vụ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh tế xã hội, góp phần đẩy mạnh công cuộc phát triển sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh; đồng thời góp phần ổn định an ninh trật tự, bảo đảm an toàn, an sinh xã hội.

2. Tạo điều kiện cho người dân sống trong vùng yên tâm sản xuất phát triển kinh tế xã hội. Góp phần cải thiện môi trường sống của Nhân dân trong

vùng bị ảnh hưởng, tăng cường đảm bảo an toàn tính mạng tài sản của Nhân dân.

VIII. QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Kiện toàn, bổ sung quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo; tổ chuyên viên giúp Ban Chỉ đạo khắc phục hậu quả bom mìn và chất độc hóa học sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban Quản lý dự án. Ban Quản lý dự án tổ chức hoạt động điều phối các dự án rà phá bom mìn và hạng mục rà phá bom mìn trên địa bàn tỉnh.

3. Trên cơ sở văn bản pháp lý, Ban QLDA tổ chức phối hợp các cơ quan chức năng, hiệp đồng với các địa phương, các đơn vị thi công để phối hợp thực hiện rà phá bom mìn, vật nổ trong suốt quá trình thực hiện.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án Ban QLDA trực tiếp theo dõi, kiểm tra và giúp đỡ các đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả, bảo đảm an toàn tuyệt đối.

IX. CÁC DỰ ÁN, HẠNG MỤC, NHIỆM VỤ THUỘC KẾ HOẠCH

1. Xác định các ưu tiên

- Khảo sát xác định mật độ ô nhiễm bom mìn vật nổ tại các địa phương theo số liệu đã khảo sát.

- Phối hợp thực hiện với các Bộ, ngành liên quan có các dự án đầu tư, các hạng mục dự án rà phá bom mìn vật nổ trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện công tác rà phá bom mìn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an toàn cho Nhân dân tại 09 huyện. 02 thành phố đã điều tra lập xong bản đồ bom mìn, phần đầu trong giai đoạn 2020 -2025 rà phá bom mìn đạt khoảng trên 10.300 (ha); xác định, đưa các dự án, hạng mục khắc phục hậu quả bom, mìn, vật nổ sau chiến tranh lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương và các hoạt động khác có liên quan. Ưu tiên cho các dự án phục vụ tái định cư sân, khu công nghiệp, hạ tầng giao thông, các điểm giãn dân và các khu vực phát triển tập trung và đông dân cư.

- Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn cho Nhân dân.

- Hỗ trợ tái định cư cho Nhân dân vùng ô nhiễm bom mìn (nếu có) và nạn nhân bị tai nạn bom mìn, vật nổ.

2. Các dự án thuộc kế hoạch

- Dự án, hạng mục, nhiệm vụ điều tra, khảo sát lập bản đồ ô nhiễm bom, mìn, vật nổ (do Trung tâm công nghệ xử lý bom mìn kết hợp Bộ CHQS tỉnh đã thực hiện năm 2011).

- Dự án khảo sát xác định mật độ ô nhiễm bom mìn, vật nổ tại các địa phương theo số liệu đã khảo sát năm 2011.

- Dự án, hạng mục, nhiệm vụ rà phá bom mìn, vật nổ lồng ghép các dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương; dự kiến triển khai thi công rà phá khoảng trên 10.300(ha) trong đó sân bay Long Thành khoảng 5.000ha (do

chính phủ đầu tư) Các dự án phát triển kinh tế xã hội, an sinh cho Nhân dân khu vực huyện Long Thành khoảng 1.200ha; huyện Nhơn Trạch khoảng 1.000ha; thành phố Biên Hòa 800ha; huyện Trảng Bom 500ha; Thống Nhất 300ha; Long Khánh 300ha; Cẩm Mỹ 300ha; Xuân Lộc 200ha; Tân phú 100ha; Định Quán 100ha; Vĩnh Cửu 500ha. Dự kiến kinh phí thực hiện cho công tác rà phá bom mìn vật nổ khoảng 279,97 tỷ đồng, nguồn vốn nhà nước 100 tỷ đồng, ngân sách địa phương 112,35 tỷ đồng, các nguồn vốn khác 68 tỷ đồng.

- Dự án đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức phòng tránh tai nạn bom mìn cho Nhân dân, nhất là thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, sách báo, in ấn tờ rơi kết hợp với các khẩu hiệu, pano áp phích.

- Dự án hỗ trợ nạn nhân bị tai nạn bom mìn, vật nổ và người dân sống trong khu vực chịu ảnh hưởng bom mìn, vật nổ; hỗ trợ nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng lồng ghép với các kế hoạch tái định cư cho Nhân dân vùng ô nhiễm bom mìn, vật nổ.

3. Phân công nhiệm vụ

a) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo khắc phục hậu quả bom mìn và chất độc hóa học sau chiến tranh tại Đồng Nai giúp Ban Chỉ đạo phối hợp Trung tâm hành động bom mìn quốc gia VNMAC rà soát, cập nhật dữ liệu bom mìn; cơ chế chính sách; phối hợp thực hiện các dự án của các Bộ, ngành về khắc phục hậu quả bom mìn, chất độc hóa học sau chiến tranh được triển khai ở tỉnh Đồng Nai; hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành và các địa phương triển khai thực hiện các hoạt động của chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm thực hiện chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản về quản lý hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn; quy chế quản lý điều hành, xúc tiến vận động, tiếp nhận tài trợ, huy động nguồn lực sử dụng cho thực hiện kế hoạch; tham mưu đề xuất việc áp dụng thực hiện cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn; thực hiện quy trình quản lý chất lượng rà phá bom mìn, vật nổ.

- Tổ chức quản lý, giám sát và thực hiện các hoạt động về rà phá bom mìn, xử lý chất độc hóa học theo quy định của pháp luật; huấn luyện, đào tạo nâng cao năng lực cho các lực lượng điều phối, quản lý, giám sát và thực hiện rà phá bom mìn, vật nổ; mua sắm trang thiết bị rà phá thu gom, vận chuyển, tiêu hủy bom mìn.

- Phối hợp các sở ngành giúp Trưởng ban Ban Chỉ đạo tham mưu UBND tỉnh xúc tiến vận động, tiếp nhận tài trợ các nguồn lực của tỉnh, trong và ngoài nước để triển khai thực hiện các dự án khắc phục hậu quả bom mìn.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền phòng, tránh tai nạn bom mìn, vận động tài trợ, hỗ trợ nạn nhân bom mìn; triển khai khảo sát, xây dựng đề án, dự án, danh mục vận động tài trợ; triển khai thực hiện, tổng hợp dữ liệu bom mìn và chất độc hóa học, chương trình nghiên cứu phát triển, hoạt động nâng cao năng lực (quản lý, điều hành rà phá bom mìn) đúng mục tiêu, tiến độ bảo đảm chất lượng.

- Quản lý và tổ chức thực hiện dự án được giao theo quy định hiện hành của pháp luật.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn thực hiện các dự án thuộc chương trình trong kế hoạch ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành của pháp luật.

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng triển khai dự án, chính sách hỗ trợ nạn nhân bị tai nạn bom mìn, vật nổ và người dân sống trong khu vực chịu ảnh hưởng bom mìn, vật nổ theo qui định của pháp luật; hỗ trợ nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng lồng ghép với các kế hoạch tái định cư cho Nhân dân vùng ô nhiễm bom mìn, vật nổ.

d) Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Bộ CHQS tỉnh, báo đài, các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các dự án thực hiện tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức phòng tránh tai nạn bom mìn cho nhân dân, tuyên truyền hậu quả do bom mìn còn sót lại sau chiến tranh trên các phương tiện thông tin đại chúng

e) Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp Bộ CHQS tỉnh và các sở ngành, địa phương có liên quan cập nhật dữ liệu bom mìn, cập nhật dữ liệu kế hoạch nhu cầu sử dụng đất trên bản đồ địa chính do ngành quản lý.

g) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai

Chủ trì phối hợp với Bộ CHQS tỉnh các sở, ngành, địa phương có liên quan quản lý vốn đầu tư dự án rà phá bom mìn, hạng mục, chi phí rà phá bom mìn các dự án được giao làm Chủ đầu tư; trong quá tiến hành các bước rà phá bom mìn thực hiện đúng Nghị định số 18/2019/NP-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ; Thông tư 195/2019/TT-BQP ngày 27/12/2019 của Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định 18/2019/NĐ-CP về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh; Thông tư 121/2012/TT-BQP ngày 12/11/2012 của Bộ Quốc phòng về việc ban hành Quy chuẩn 01/2012/BQP Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rà phá bom mìn, vật nổ; và các văn bản quy định hiện hành về rà phá bom mìn, vật nổ.

h) Các sở, ngành liên quan khác trong phạm vi trách nhiệm của mình, phối hợp với Bộ CHQS tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các dự án có liên quan thuộc chương trình.

i) UBND các huyện, thành phố

- Đầu tư và quản lý các dự án, hạng mục, chi phí rà phá bom mìn dự án do các địa phương làm chủ đầu tư đúng quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo cơ quan quân sự phối hợp các ngành của địa phương rà soát, nắm chắc diện tích các khu vực ô nhiễm bom mìn, vật nổ theo số liệu điều tra, khảo sát; thường xuyên theo dõi kết quả rà phá bom mìn, vật nổ cho các công trình xây dựng, khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư, công trình giao thông... để báo cáo điều chỉnh giảm diện tích bị ô nhiễm bom mìn;

- Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức phòng tránh tai nạn bom mìn cho nhân dân; thực hiện các dự án, nội dung thuộc chương trình do địa phương đảm nhiệm.

X. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Bộ Quốc phòng tham mưu Chính phủ bố trí nguồn vốn cho tỉnh Đồng Nai triển khai dự án rà phá bom mìn, vật nổ theo chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh giai đoạn 2021 - 2025.

Trên đây là Kế hoạch khắc phục hậu quả bom, mìn, vật nổ giai đoạn 2021 - 2025. Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị các sở, ngành, địa phương có kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ được giao; giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả cho UBND tỉnh và Bộ Quốc phòng theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Quốc phòng (báo cáo);
- BTL Công binh;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 7;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VNMAC;
- Chánh, PCVP. KTN;
- Lưu: VT, THNC.

CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng



(Kèm theo Kế hoạch số 55 ngày 19 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Phụ lục

TT	Danh mục dự án hàng mục, nhiệm vụ	Địa điểm điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn	Thời gian khởi công, hoàn thành	Diện tích điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn (ha)	Quyết định đầu tư							Lũy kế tổng số các nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2020 (triệu đồng)	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 (triệu đồng)		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Nguồn vốn (tỷ đồng)					Tổng số các nguồn vốn khác				
						Tổng số các nguồn vốn (tỷ đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Các doanh nghiệp, vốn nước ngoài tài trợ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
A	TỔNG SỐ														
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			6270,38		174,90	100,00	74,90					174,90	100,00	
I	Nhóm I			5560,00		141,08	100,00	41,08					141,08	100,00	
1	Dự án hạ tầng sân bay Long Thành	Huyện Long Thành	2021	5000		100,00	100,00						100,00	100,00	
2	Dự án triển khai xây dựng khu Safari (vườn thú hoang dã) tại khu bảo tồn thiên nhiên Văn hóa-Đồng Nai	Huyện Vĩnh Cửu		450		11,93		11,93					11,93	0,00	
2	Dự án Hồ chứa nước Thoại Hương, Huyện Cẩm Mỹ (chuyển chủ đầu tư)	Xã Xuân Đông, Huyện Cẩm Mỹ	2015	110	814/HĐND-VP 30/10/2015	29,15		29,15					29,15	0,00	

II	Nhóm II			550		26,60	0,00	26,60					26,60	0,00	
1	Dự án: Đường trục trung tâm (Xây dựng cầu Thống Nhất và đường dẫn 2 đầu cầu)	Phường Thống Nhất, Hiệp Hòa Thành phố Biên Hòa	2019	40	158/NQ- HĐND 12/7/2019	3,20		3,20					3,20	0,00	Chưa lập DT RPBM
2	Dự án: Đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn	Thành phố Biên Hòa	2019	30	158/NQ- HĐND 12/7/2019	1,80		1,80					1,80	0,00	Chưa lập DT RPBM
3	Dự án: Đầu tư xây dựng đường 25C	Huyện Long Thành Huyện Nhơn Trạch	2019	35	158/NQ- HĐND 12/7/2019	1,40		1,40					1,40	0,00	Chưa lập DT RPBM
4	Tuyến Đường 768B	Huyện Vĩnh Cửu, Thành phố Biên Hòa	2019	50,00	6627/TB- UBND 12/6/2019	2,00		2,00					2,00	0,00	Chưa lập DT RPBM
5	Xây dựng mới đường Hương Lộ 10 đoạn từ trung tâm Huyện Cẩm Mỹ đến Quốc lộ 1	Huyện Cẩm Mỹ, Huyện Xuân Lộc	2019	80,00	15185/UBND D-KTNS 30/12/2019	3,20		3,20					3,20	0,00	Chưa lập DT RPBM
6	Đường Trảng Bom - Xuân Lộc	Huyện Trảng Bom, Huyện Thống Nhất, Thành phố Long Khánh	2019	110,00	14895/TB- UBND 24/12/2019	4,40		4,40					4,40	0,00	Chưa lập DT RPBM
7	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT.774B (Tà Lài - Trà Cỏ)	Huyện Tân Phú, Huyện Định Quán	2019	55,00	409/UBND- CNN 14/01/2019	2,20		2,20					2,20	0,00	Chưa lập DT RPBM

8	Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn	Huyện Cẩm Mỹ, Huyện Xuân Lộc, Huyện Vĩnh Cửu	2017	90,00	12115/UBND- D-CNN 22/11/2017	3,60		3,60					3,60	0,00	Chưa lập DT RPBM
9	Nạo vét Suối Sắn máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ P. Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	Phường Tân Hòa, Phường Tân Biên, Phường Trảng Dài/Thành phố Biên Hòa	2015	30,00	814/HDND- VP 30/10/2015	2,40		2,40					2,40	0,00	Chưa lập DT RPBM
10	Dự án kè và đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến tỉnh Bình Dương	Phường Hòa An, Phường Tân Hạnh/Thành phố Biên Hòa	2025	30,00		2,40		2,40					2,40	0,00	Chưa lập DT RPBM
III	Nhóm III			160,38		7,22	0,00	7,22					7,22	0,00	
1	Trường Tiểu học Tân Mai 2	Phường Phước Tân/Thành phố Biên Hòa	2021-2022	0,52		0,06		0,06					0,06	0,00	
2	Trường Tiểu học Tam Phước 1	Phường Tam Phước/Thành phố Biên Hòa	2021-2022	0,74		0,02		0,02					0,02	0,00	
3	Xây dựng hoàn chỉnh trường THCS Tam Phước	Phường Tam Phước/Thành phố Biên Hòa	2021-2022	1,46		0,05		0,05					0,05	0,00	
4	Trường Mầm non Quang Vinh	Phường Quang Vinh/Thành phố Biên Hòa	2021-2022	0,81	3851/QĐ- UBND ngày 27/9/2019	0,05		0,05					0,05	0,00	
5	Trường Tiểu học Long Bình Tân 2	Phường Long Bình Tân/Thành phố Biên Hòa	2021-2022	1,20	4473/QĐ- UBND ngày 30/10/2019	0,05		0,05					0,05	0,00	

6	Mở rộng trường THCS Hòa Hưng	Phường An Hòa/Thành phố Biên Hòa	2021-2022	0,23	4470/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	0,01					0,01	0,00	
7	Xây dựng trường Mầm non Tân Hạnh	Phường Tân Hạnh/Thành phố Biên Hòa	2021-2022	0,83	3848/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	0,55					0,55	0,00	
8	Trường THCS Phước Tân 3	Phường Phước Tân/Thành phố Biên Hòa	2021-2023	1,18	4468/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	0,05					0,05	0,00	
9	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Tam Hiệp (9,4ha)	Phường Tam Hiệp/Thành phố Biên Hòa	2020-2022	9,45	2484/QĐ-UBND ngày 14/5/2020	0,05					0,05	0,00	
10	Hạ tầng khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai	Phường Thống Nhất, Phường Tân Mai/Thành phố Biên Hòa	2020-2022	8,56	2483/QĐ-UBND ngày 14/5/2020	0,05					0,05	0,00	
11	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Bình Đa (quy mô 3 ha)	Phường Bình Đa/Thành phố Biên Hòa	2020-2022	2,60	4474/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	0,20					0,20	0,00	
12	Gia cố bờ sông Đồng Nai từ Đình Phước Lư đến Khu dân cư dọc sông Rạch Cát	Phường Thống Nhất, Phường Quyết Thắng/Thành phố. Biên Hòa	2013,00	1,50	2220/QĐ-UBND 16/7/2013	0,12					0,12	0,00	NSDP

13	Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Cát đến Cầu Ghềnh	Xã Hiệp Hòa /Thành phố, Biên Hòa	2013,00	3,50	2220/QĐ-UBND 16/7/2013	0,28		0,28					0,28	0,00	NSDP
14	Nâng cấp mở rộng đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ QL1 đến giao với đường Võ Nguyên Giáp	Huyện Trảng Bom, Thành phố Biên Hòa	2018,00	10,00	12776/UBND-CNN 22/11/2018	0,45		0,45					0,45	0,00	Chưa lập DT RPBM
15	Khu dân cư Nhân Nghĩa, cảm Mỹ	Huyện Cẩm Mỹ	2021,00	3,10	7788/BQP ngày 02/12/2020	0,14		0,14					0,14	0,00	
16	Đường Tà Lài- Trà cổ	Huyện Tân Phú	2021,00	11,00		0,43		0,43					0,43	0,00	
17	Đầu tư xây dựng Đường Trần Phú (Đường N7) đoạn từ Quốc lộ 51B đến đường ĐT.319, Long Thành	Huyện Long Thành	2019,00	25,00	9686/TB-UBND 21/8/2019	1,13		1,13					1,13	0,00	Chưa lập DT RPBM
18	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long ThànhHuyện giai đoạn ưu tiên	Huyện Long Thành	2015,00	1,50	169/NQ-HDND 16/7/2015	0,07		0,07					0,07	0,00	Chưa lập DT RPBM
19	Nạo vét Rạch Đông, Huyện Vĩnh Cửu	Xã Tân An, Xã Thiện Tân /Huyện Vĩnh Cửu	2019,00	33,00	158/2019/NQ-HDND 12/7/2019	1,49		1,49					1,49	0,00	Chưa lập DT RPBM

20	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom, giai đoạn ưu tiên	Huyện Trảng Bom	2015,00	1,20	169/NQ-HĐND 16/7/2015	0,05						0,05	0,00	Chưa lập DT RPBM
21	Đường Sông Nhận - Giầu Dây đoạn còn lại	Huyện Thống Nhất	2019,00	3,00	193/NQ-HĐND 06/12/2019	0,14						0,14	0,00	Chưa lập DT RPBM
22	Đầu tư tuyến đường Xuân Quế đi Long KhánhHuyện Cẩm Mỹ	Huyện Cẩm Mỹ, Thành phố Long Khánh	2019,00	15,00	13823/TB-UBND	0,68						0,68	0,00	Chưa lập DT RPBM
23	Đầu tư xây dựng đường liên Huyện Suối Tre - Bình Lộc (ĐT770)	Huyện Thống Nhất Thành phố Long Khánh	2019,00	25,00	14859/TB-UBND 28/11/2019	1,13						1,13	0,00	Chưa lập DT RPBM
B	Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020			1567		107	80	19	0	8	0	107	80	
I	Các dự án, hạng mục, nhiệm vụ hoàn thànhHuyện bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2020			1565,50		72,42	50,11	14,58	0,00	7,72	0,00	72,42	50,11	
1a	Nhóm II			1522		66,29	50,11	8,48		7,70		66,29	50,11	

1	Dự án thành phần: Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư, tái định cư tại Xã Lộc An - Bình Sơn thuộc Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng Hàng không quốc tế Long Thành	Xã Lộc An, Huyện Long Thành	2019,00	286,38	1487/QĐ-TTg 06/11/2018	15,04	15,04						15,04	15,04	NSNN
2	Dự án: thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không Quốc tế Long Thành - Phần diện tích đất xây dựng 02 khu tái định cư	Huyện Long Thành	2019-2020	390,00	158/QĐ-BQP 11/01/2019	20,67	20,67						20,67	20,67	NSNN
3	Dự án: Đầu tư xây dựng Trung tâm huấn luyện chiến sĩ mới thuộc Quân chủng PK-QQ	Biên Hòa	2018,00	20,00	5497/QĐ-BQP 13/12/2018	1,20	1,20						1,20	1,20	Vốn tự có của CDT
4	Dự án: Hồ chứa nước Cầu Dầu, thị Xã Long Khánh	Thành phố Long Khánh	2018,00	138,01	1515/QĐ-BQP 28/4/2018	3,80		3,80					3,80	0,00	NS tỉnh
5	Khu công nghiệp Thanh Phú	Xã Thanh Phú, Huyện Vĩnh Cửu		177,00		3,45					3,45		3,45	0,00	Vốn DN

6	Nâng cấp đường ĐT.763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến), phân kỳ đầu tư đoạn từ Km0+000 đến Km8+300 và Km15+000 đến Km24+000	Xã Suối Cát, Xuân Thọ, Xuân Bắc,/ Huyện Xuân Lộc, Suối Nho/ Huyện Định Quán	2019,00	43,71	4257/QĐ- UBND 31/12/2014	2,34	2,34	2,34	0,00	NSĐP
7	Dự án: Đầu tư xây dựng nâng cấp đường ĐT.763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến), phân kỳ đầu tư đoạn từ Km0+000 đến Km8+300 và Km15+000 đến Km24+000 (do thay đổi khối lượng diện tích thi công theo phân kỳ đầu tư dự án của UBND tỉnh)	Huyện Xuân Lộc, Huyện Định Quán	2019,00	43,71	184/QĐ- BQP 14/01/2019	2,34	2,34	2,34	0,00	NS tính
8	Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu CN Giang Điền	Huyện Trảng Bom, Huyện Long Thành	2018,00	125,42	2882/QĐ- BQP 19/7/2018				2,55	Vốn tự có của CĐT

9	Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Giang Điền (Lô số 14, 15, 16, 17)	Huyện Trảng Bom, Huyện Long Thành	2018-2019	87,00	410/QĐ-BQP 05/02/2018	1,70				1,70		1,70	0,00	Vốn tự có của CĐT
10	Dự án: thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020	Phan Thiết, Giaú Dãy	2017-2020	210,67	533/QĐ-BQP 01/02/2019	13,20	13,20					13,20	13,20	NSNN
11	Các dự án từ nguồn vốn khác											0,00	0,00	
1b	Nhóm III			44		6,13	0,00	6,10		0,03		6,13	0,00	
1	Công trình Nạo vét Suối Linh	Phường Long Bình, Phường Tam Hiệp, Phường Bình Đa, Phường An Bình, Huyện Tam Hòa Thành phố Biên Hòa	05/09/2018 - 19/9/2018	10,46	4020/QĐ-UBND 14/10/2019	0,47		0,47				0,47	0,00	
2	Sửa chữa cục bộ và đại tu tuyến đường Hương lộ 21	Xã Tam Phước /Thành phố Biên Hòa	2017,00	5,00	3602/QĐ-UBND 31/10/2016	0,22		0,22				0,22	0,00	NS tỉnh

3	Nút giao ngã tư Tân Phong, Biên Hòa	Thành phố Biên Hòa	2017,00	1,34	3558/QĐ-UBND 28/10/2016	0,22					0,22	0,00	NS tỉnh
4	Hạng mục Trạm xử lý nước thải số 2 và trạm bơm số 1 Phường Thống Nhất thuộc dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Biên Hòa	Phường Quyết Thắng Phường Tam Hiệp/Thành phố Biên Hòa	2017-2018	1,34	246/QĐ-UBND 20/01/2017	0,55					0,55	0,00	NS tỉnh
5	Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Khu dân cư dọc sông Rạch Cát đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 P. Tam Hiệp	Phường Thống Nhất, Phường Tân Ma, Phường Tam Hiệp/Thành phố Biên Hòa	2017,00	1,34	3560/QĐ-UBND 28/10/2016	2,30					2,30	0,00	
6	Tuyến thoát nước từ cầu Suối Cạn ra rạch Cái Sìn/Huyện Nhơn Trạch	Xã Long Thọ /Huyện, Nhơn Trạch	2017,00	1,34	3811/QĐ-UBND 27/10/2017	0,27					0,27	0,00	
7	Tuyến thoát nước từ Khu CN Nhơn Trạch 1 ra rạch Bà Kỳ	Thị trấn Hiệp Phước /Huyện Nhơn Trạch	2017,00	1,34	2835/QĐ-UBND 01/11/2011	0,01					0,01	0,00	

8	Dự án Kè sông Vàm Mương - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, XãPhước KhánhHuyện Nhon Trạch	Xã Phước Khánh /Huyện Nhon Trạch	2019,00	1,34	2830/QĐ- UBND 10/8/2018	0,15	0,15					0,15	0,00	
9	Dự án: Đầu tư Kè sông Vàm Mương - Lòng Tàu, đoạn qua khu vực ấp 2, XãPhước KhánhHuyện Nhon Trạch	Huyện Nhon Trạch	2019,00	1,34	1356/BQLĐ ADDTXD- NNMT 23/9/2019	0,11	0,11					0,11	0,00	NS tính
10	Nâng cấp mở rộng đường số 2 Huyện Nhon Trạch	Xã Phú Hội Vĩnh Thanh Long Tân/Huyện Nhon Trạch	2019,00	1,34	4885/QĐ- UBND 26/12/2008	0,06	0,06					0,06	0,00	NSDP
11	Đường từ nhà máy nước Formosa đến Khu CN I	Xã Phước/ Huyện Nhon Trạch	2018,00	1,34	2440/QĐ- UBND 02/8/2012	0,06	0,06					0,06	0,00	NSDP
12	Khu dân cư phục vụ tái định cư XãPhước Thiền	Xã Phước Thiền/Huyện Nhon Trạch		1,34	3297/QĐ- UBND	0,06	0,06					0,06	0,00	NSDP

13	Trường Tiểu học Xuân Thạnh (Khu A1-C1)	Xã Xuân Thạnh/Huyện Thống Nhất	2016-2020	1,34	4026/QĐ-UBND 25/10/2017	0,06				0,06	0,00	
14	Đầu tư tuyến thoát nước ngoài hàng rào cửa xã số 1 Khu CN Dầu Giây	Xã Hưng Lộc/Huyện Thống Nhất	2019,00	1,34	2402/QĐ-UBND 02/8/2019	0,06				0,06	0,00	
15	Dự án: Cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ nút giao đường nút giao đường Quang Trung đến	Thành phố Long Khánh	2020,00	1,34	1885/QĐ-BQP 17/6/2019	0,06				0,06	0,00	NSDP
16	Dự án: Cải tạo nâng cấp đường Bình Lộc - Tín Nghĩa	Thành phố Long Khánh	2020,00	1,34	1885/QĐ-BQP 17/6/2019	0,06				0,06	0,00	NSDP
17	Dự án Hệ thống thoát nước khu vực suối Nước Trong Huyện Long Thành	Long Thành	2017,00	1,34	2986/QĐ-UBND 11/11/2011, điều chỉnh tại QĐ 2504 20/7/2017	0,06				0,06	0,00	

18	Đoạn 3 tuyến đường Cao Cang, Huyện Định Quán	Định Quán	2018,00	1,34	2061/QĐ-UBND 20/6/2017	0,57		0,57				0,57	0,00	NS tỉnh
19	Tuyến thoát nước từ Khu phố 4 đến Suối Đá, Thị trấn Trảng Bom	Huyện Trảng Bom	2017,00	1,34	352/QĐ-UBND 25/01/2017	0,11		0,11				0,11	0,00	
20	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 765 đoạn từ Km5+500 đến Km10+000	Huyện Xuân Lộc, Huyện Cẩm Mỹ	2017,00	1,34	3317/QĐ-UBND 12/11/2009	0,52		0,52				0,52	0,00	NS tỉnh
21	Đường giáp ranh Xã Trung Hòa - Tây Hòa	Xã Tây Hòa /Huyện Trảng Bom	2016-2017	1,34	4439/QĐ-UBND 28/20/2016	0,06		0,06				0,06	0,00	
22	Đường 30 tháng 4 nổi dài (đoạn từ đường 3 tháng 2 đến đường Nam Kỳ khởi nghĩa)	Huyện Trảng Bom	2016-2018	1,34	979/QĐ-UBND 31/3/2016	0,06		0,06				0,06	0,00	
23	Các dự án khác	Tỉnh Đồng Nai	2016-2020	1,34		0,03				0,03		0,03		
II	Các dự án, hạng mục, nhiệm vụ dự kiến hoàn thành trong năm 2020	Tỉnh Đồng Nai	2016-2020	1,34	0,00	34,69	30,03	4,66	0,00	0,00	0,00	34,69	30,03	
2a	Nhóm II			1,34		31,97	30,03	1,94				31,97	30,03	

1	Dự án: Xử lý ô nhiễm dioxin khu vực sân bay Biên Hòa giai đoạn 1	Sân bay Biên Hòa	2020,00	1,34	1885/QĐ-BQP 17/6/2020	4,01	4,01	0,00		4,01	4,01	Vốn đối ứng từ NSNN
2	Dự án cải tạo, nâng cấp đường DT 768 từ cầu vượt Thủ Biên đến giao với DT 767 (thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu)	Thị trấn Vĩnh An Huyện Vĩnh Cửu	2020,00	1,34	663/QĐ-BQLDADĐ TXD 22/9/2020	1,88	1,88			1,88	0,00	
3	Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường DT.768 Huyện Vĩnh Cửu	Huyện Vĩnh Cửu	2020,00	1,34	1382/QĐ-BQP 25/4/2020	0,06	0,06			0,06	0,00	NS tỉnh
4	Dự án: Rà phá Bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên diện tích đất quốc phòng Phân kho 4/Kho K334 Cục Kỹ thuật/ Quân chủng Phòng Không - Không quân	Huyện Vĩnh Cửu	2019-2020	1,34	104/QĐ-TM 14/01/2020	3,98	3,98			3,98	3,98	NSQP
5	Dự án: thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không Quốc tế Long Thành - Phần diện tích đất xây dựng 02 khu tái định cư	Huyện Long Thành	2019,00	1,34	930/QĐ-BQP 11/3/2019	21,86	21,86			21,86	21,86	NSNN

6	Dự án: Đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Dầu Giây - Tân Phú theo hình thức hợp đồng BOT	Dầu Giây - Tân Phú	2020-2023	1,34	1268/QĐ-BQP 18/4/2020	0,06	0,06							0,06	0,06	Vốn đầu tư BOT
7	Dự án: Cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Nha Trang - Sài Gòn, tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. HCM	Tỉnh Đồng Nai	2020,00	1,34	1242/QĐ-BQP 16/4/2020	0,06	0,06							0,06	0,06	NSNN
8	Dự án: Cải tạo, nâng cấp các cầu yếu và xóa cổ trụ chống va xô trên tuyến đường sắt Hà Nội - Tp.HCM	Tỉnh Đồng Nai	2020,00	1,34	880/QĐ-BQP 20/3/2020	0,06	0,06							0,06	0,06	NSNN
2b	Nhóm III			1,34		2,72	0,00	2,72						2,72	0,00	
1	Dự án chống ngập úng khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa và suối Cầu Quan, Thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	2017-2020	1,34	3725/QĐ-UBND 18/11/2019	1,90		1,90						1,90	0,00	
2	Dự án: Đầu tư xây dựng đường Hương lộ 2 nối dài (đoạn 1-gai đoạn 1), Thành phố Biên Hòa	Hương lộ 2 nối dài (đoạn 1-gai đoạn 1), Thành phố Biên Hòa	2020,00	1,34	1766/QĐ-BQP 03/6/2020	0,06		0,06						0,06	0,00	NS tính

3	Dự án: Trạm biến áp 220KV Tam Phước	Thành phố Biên Hòa	2020,00	1,34	1043/QĐ-BQP 31/3/2020	0,06					0,06	0,06	0,00	Vốn tự có của CĐT
4	Dự án: Nâng cấp đường Tà Lài - Trà Cỏ (đoạn từ Km1+600 đến Km5+600)	Thành phố Biên Hòa	2020,00	1,34	1382/QĐ-BQP 25/4/2020	0,06					0,06	0,06	0,00	NS tỉnh
5	Trường MN Gia Tân 1	Xã Gia Tân 1 Huyện Thống Nhất	2016-2020	1,34	4120/QĐ-UBND 22/10/2017	0,06					0,06	0,06	0,00	
6	Trường THCS Duy Tân	Xã Gia Tân 1 Huyện Thống Nhất	2016-2020	1,34	5643/QĐ-UBND 31/10/2019	0,06					0,06	0,06	0,00	
7	Trường Mầm non Dầu Giây	Huyện Thống Nhất		1,34	59/QĐ-UBND 09/01/2020	0,06					0,06	0,06	0,00	
8	Trường THCS Gia Tân 1	Xã Gia Tân 1 Huyện Thống Nhất		1,34	4141/QĐ-UBND 31/10/2017	0,06					0,06	0,06	0,00	

9	Trường THCS Gia Kiệm	Xã Gia Kiệm Huyện Thống Nhất		1,34	5642/QĐ- UBND 31/10/2019	0,06		0,06					0,06	0,00	
10	Dự án: Xây dựng mới cầu Thanh Sơn	Huyện Định Quán	2020,00	1,34	50/HT-BM 01/7/2020	0,10		0,10					0,10	0,00	
11	Dự án: Nâng cấp, xây dựng đoạn 1 và 2 tuyến đường Cao Cang	Huyện Định Quán	2020,00	1,34	1382/QĐ- BQP 25/4/2020	0,06		0,06					0,06	0,00	NS tính
12	Dự án: Đầu tư xây dựng công trình điện lực Trạm biến áp 500KV Long ThànhHuyện Đồng Nai	Huyện Long Thành	2020-2021	1,34	1696/QĐ- BQP 28/5/2020	0,06		0,06					0,06	0,00	Vốn tự có của CDT
13	Dự án: Đường Ấp 9, Ấp 11 XãXuân Tây đi ấp Tân Xuân XãBảo Bình và dự án xây dựng Trường mầm non Xuân Mỹ	Huyện Cẩm Mỹ	2020,00	1,34	1631/QĐ- BQP 25/5/2020	0,06		0,06					0,06	0,00	NS Cẩm Mỹ
14	Dự án: Xây dựng mới cầu Vàm Cái Sứt trên đường Hương lộ 2	Thành phố Biên Hòa	2020,00	1,34	1382/QĐ- BQP 25/4/2020	0,06		0,06					0,06	0,00	NS tính

C	Các dự án, hạng mục, nhiệm vụ dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021-2025			1,34	0,00	6,76	0,00	6,75	0,00	0,07		6,76	0,00			6,76	0,00	NSH
I	Nhóm II			1,34		0,29	0,00	0,24		0,05		0,29	0,00				0,00	
1	Khu tái định cư Long Đức (Gai đoạn 2)	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06				0,06	0,00			0,06	0,00	NSH
2	Khu tái định cư Long Phước		2021-2025	1,34		0,06		0,06				0,06	0,00			0,06	0,00	NSH
3	Khu tái định cư thị trấn Long Thành	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06				0,06	0,00			0,06	0,00	NSH
4	Căn cứ Hậu cần - kỹ thuật/Vĩnh Cửu	Huyện Vĩnh Cửu		1,34		0,06		0,06				0,06	0,00			0,06	0,00	NSH

5	Công ty TNHH XD&TM Nhật Quang (Nay là Cty CPPT Địa ốc Sông Tiên) KDL sinh thái & khu đô thị mới tại một phần Cù lao Ông Cò. (Khu DTDL Nhon Phước)	Xã Đại Phước Huyện Nhơn Trạch		1,34	2607/QĐ. CT.UBT 25/8/2003	0,05				0,05		0,05	0,00	
II	Nhóm III			1,34		6,47	0,00	6,51		0,03		6,47	0,00	
1	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Huyện Trảng Bom	2023,00	1,34		0,70		0,70				0,70	0,00	
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng tuyến đường Sông Thao - Bàu Hàm	Huyện Trảng Bom	2023,00	1,34		0,18		0,18				0,18	0,00	
3	Đường Trảng Bom - Cây Gáo (đoạn từ ngã tư Tân Lập đến Dốc Mør - giáp Huyện Thống Nhất)	Huyện Trảng Bom	2023,00	1,34		0,14		0,14				0,14	0,00	
4	Đường Liên XãBắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu	Huyện Trảng Bom	2023,00	1,34		0,08		0,14				0,08	0,00	
5	Đường Nam kỳ khởi nghĩa	Huyện Trảng Bom	2021,00	1,34		0,35		0,35				0,35	0,00	

6	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ)	Huyện Trảng Bom	2021,00	1,34		0,06					0,06	0,00	
7	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn song hành QL1A từ đường Đình Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo)	Huyện Trảng Bom	2021,00	1,34		0,06					0,06	0,00	
8	Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 30 tháng 4 đến đường Nam Kỳ khởi nghĩa)	Huyện Trảng Bom	2022,00	1,34		0,06					0,06	0,00	
9	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đình Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Hoàng)	Huyện Trảng Bom	2021,00	1,34		0,06					0,06	0,00	
10	Trung tâm Văn Hóa và tổ chức sự kiện Huyện	Huyện Trảng Bom	2020,00	1,34		0,06					0,06	0,00	
11	Đường 29/4 (đoạn trước Nông trường cao su)	Huyện Trảng Bom	2021,00	1,34		0,06					0,06	0,00	
12	Nâng cấp, mở rộng vỉa hè tuyến đường giám tái học sinh liên Xã Đông Hòa - Trung Hòa - Tây Hòa	Huyện Trảng Bom	2020,00	1,34		0,01					0,01	0,00	

13	Đường nội đồng Bả Dông đi khu chăn nuôi tập trung Đồi Quân về Đồi Nam	Xã Trung Hòa Huyện Trảng Bom	2020,00	1,34		0,06		0,06				0,06	0,00	
14	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Ngô Quyền đến QL 1A)	Huyện Trảng Bom	2023,00	1,34		0,06		0,06				0,06	0,00	
15	Công viên trung tâm thị trấn Trảng Bom	Huyện Trảng Bom	2021,00	1,34		0,06		0,06				0,06	0,00	
16	Trường tiểu học Phú Sơn (phần hiệu 2 trường tiểu học Diên Hồng)	Xã Bắc Sơn Huyện Trảng Bom	2021,00	1,34		0,06		0,06				0,06	0,00	
17	Dự án trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	2020-2021	1,34	2633/QĐ-BQP 22/8/2020	0,06		0,06				0,06	0,00	NST
18	Dự án khu tái định cư tại thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc (phục vụ dự án đường cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	Huyện Xuân Lộc	2020-2021	1,34	2857/QĐ-BQP 16/9/2020	0,06		0,06				0,06	0,00	NST
19	Sở chỉ huy thời chiến Huyện Long Thành	Huyện Long Thành	2021-2023	1,34		0,05		0,05				0,05	0,00	NSH

20	Trường THCS Tân Thành	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	NSH
21	Trường Mầm non Thái Hiệp Thành	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	NSH
22	Trường Tiểu học Tân Thành	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	NSH
23	Trường Mầm non Tân Thành	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	NSH
24	Trường TH-THCS An Phước	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	NSH
25	Trường Mầm non Cầu Xéo	Huyện Long Thành	2023-2028	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	NSH

26	Trường Tiểu học Long Thành C	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06						0,06	0,00	NSH
27	Trụ sở HDND-UBND Xã Long An	Huyện Long Thành	2023-2028	1,34		0,06		0,06						0,06	0,00	NSH
28	Trụ sở HDND-UBND Xã Cẩm Đường	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06						0,06	0,00	
29	Trụ sở HDND-UBND Thị trấn Long Thành	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06						0,06	0,00	
30	Khu tái định cư Tân Hiệp (Giai đoạn 2)	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06						0,06	0,00	NSH
31	Đường Long Phước – Phước Thái	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06						0,06	0,00	NST
32	Đường Phước Bình – Bàu Cạn – Cẩm Đường	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06						0,06	0,00	NST

33	Đường Phước Bình – Tân Hiệp – Bàu Cạn	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	NST
34	Đường Vũ Hồng Phô	Huyện Long Thành	2021-2025	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	NST
35	Đường vào Cụm Công nghiệp Long Phước 1	Huyện Long Thành	2021-2023	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	NSH
36	3 Đường gom sân bay	Huyện Long Thành	2021-2023	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	NST
37	Trường Mẫu giáo Xã Lộ 25	Xã Lộ 25 Huyện Thống Nhất	2021-2025	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	
38	Trường Tiểu học & THCS Hùng Vương	Xã Hưng Lộc Thống Nhất	2021-2025	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	
39	Trường THCS Thăng Long	Xã Quang Trung Huyện Thống Nhất	2021-2025	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	
40	Trụ sở UBND Xã Bàu Hàm 2	Xã Bàu Hàm 2 Huyện Thống Nhất	2021-2025	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	

41	Khu Dân cư phục vụ tái định cư B1	Xã Hưng Lộc Huyện Thống Nhất	2021-2025	1,34		0,06					0,06	0,00	
42	Trường TH Thị trấn Dầu Giây	Huyện Thống Nhất	2021-2025	1,34		0,06					0,06	0,00	
43	Trường Mầm non Thị trấn Dầu Giây	Huyện Thống Nhất	2021-2025	1,34		0,06					0,06	0,00	
44	Trường THCS Thị trấn Dầu Giây	Huyện Thống Nhất	2021-2025	1,34		0,06					0,06	0,00	
27	Đường D17, Thống Nhất	Huyện Thống Nhất	2021-2025	1,34		0,06					0,06	0,00	
28	Đường Song Hành QL 20 phía Tây	Huyện Thống Nhất	2021-2025	1,34		0,06					0,06	0,00	
29	Đường tránh ngã tư Dầu Giây	Huyện Thống Nhất	2021-2023	1,34	158/2019/N Q-HĐND 12/7/2019	0,06					0,06	0,00	
30	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Xã Quang Trung Huyện Thống Nhất	2021-2025	1,34		0,06					0,06	0,00	
31	Đường Song hành phía Đông QL20	Huyện Thống Nhất	2017-2021	1,34	1111/QĐ- UBND 09/4/2020	0,06					0,06	0,00	
32	Dự án Đường song hành QL20 đoạn qua TT Giầu Dầy (đoạn từ Km0+195 đến	Huyện Thống Nhất	2021-2025	1,34	14/NQ- HĐND 10/7/2020	0,06					0,06	0,00	

33	Kênh thoát lũ 05 Xã Kiệm Tân (Nạo vét và kè 2 bờ Suối Reo)	Huyện Thống Nhất	2021-2025	1,34		0,06					0,06	0,00	
34	Hệ thống mương thoát nước A1-C1 (Đoạn từ đường ĐT 769 đến công 3 miệng)	Huyện Thống Nhất	2021-2023	1,34		0,06					0,06	0,00	
35	Đường Cầu ông Bò đi Long Khánh	Xã Xuân Thiện Thống Nhất	2021-2023	1,34		0,06					0,06	0,00	
36	Đường Đức Huy - Thanh Bình	Huyện Thống Nhất	2021-2023	1,34		0,06					0,06	0,00	
37	Đường vào trụ sở UBND Xã Gia Tân 3	Xã Gia Tân 3 Huyện Thống Nhất	2021-2023	1,34		0,06					0,06	0,00	
38	Hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B Xã Lộ 25	Xã Lộ 25 Huyện Thống Nhất	2020-2022	1,34	608/QĐ- UBND 02/3/2017	0,06					0,06	0,00	
39	Đường từ QL 20 vào trường THCS Gia Tân 1	Xã Gia Tân 1 Huyện Thống Nhất	2020-2022	1,34	1871/QĐ- UBND 09/5/2019	0,06					0,06	0,00	
40	Trường Tiểu học Gia Tân 1	Xã Gia Tân 1 Huyện Thống Nhất	2021,00	1,34	2153/QĐ- UBND 03/8/2020	0,06					0,06	0,00	

41	Trường Mầm non Kim Đồng	Xã Hưng Lộc Huyện Thống Nhất	2025,00	1,34		0,06							0,06	0,00	
42	Đường một chiều từ chân lên đỉnh đồi Núi Cúi	Xã Gia Tân 1 Huyện Thống Nhất		1,34	14/NQ- HDND 10/7/2020	0,06		0,06					0,06	0,00	
43	Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa	Xã Xuân Thiện Huyện Thống Nhất	2021-2025	1,34		0,06		0,06					0,06	0,00	
44	Công ty SX XD XNK Bình Minh (BI-MEX-CO) Đầu tư khu dân cư thương mại	Xã Phú Hội Huyện Nhom Trách		1,34	1668/QĐ. CT.UBND 06/4/2001	0,06		0,06					0,06	0,00	
45	Công ty CP DTTM Dầu khí Sông Hồng (Nay là Cty Vạn Khởi Thành) Đầu tư khu dân cư theo QH	Xã Phú Hội Huyện Nhom Trách		1,34	8317/UB ND-CNN 12/10/201 0	0,06		0,06					0,06	0,00	
46	Công ty CP Lilama 45-1 (Khu tái định cư nhà ở cho CB-CNV)	Xã Long Tân Huyện Nhom Trách		1,34	7124/UB ND-CNN 18/10/201 1 (lần 3)	0,06		0,06					0,06	0,00	
47	Công ty CP Vật tư Xăng dầu (COMECO) XD kho xăng dầu	Xã Phú Đông, Xã Phước Khánh Huyện Nhom Trách		1,34	1443/QĐ. CT.UBT 09/5/2002 3265/QĐ. CT.UBT 06/9/2002	0,06		0,06					0,06	0,00	

48	Công ty TNHH TMDV Phúc Thiên Long (Nay là Cty CPDV ĐT Phúc Minh) đầu tư NT Long Thọ	Xã Long Thọ Huyện Nhơn Trạch		1,34	4762/UB ND-CNN 16/6/2010	0,06				0,06	0,00	
49	Công ty TNHH MTV TMDV Gia Nguyễn Minh (phía Bắc 25C)	Xã Long Tân Huyện Nhơn Trạch		1,34	1731/QĐ- UBND 28/5/2020	0,06				0,06	0,00	
50	Công ty TNHH Khối Việt. Nhà máy SX ống & phụ tùng nhựa	Cụm Công nghiệp Huyện Nhơn Trạch		1,34	2610/QĐ- UBND 27/7/2020	0,06				0,06	0,00	
51	Công ty TNHH Hoàng Anh An Hòa ĐT XD khu dân cư theo QH	Thị trấn Hiệp Phước /Huyện Nhơn Trạch		1,34	6440/UB ND-KT 23/12/201 5	0,06				0,06	0,00	
52	Công ty TNHH Hương Nga ĐT XD khu dân cư theo QH	Xã Phước Thiện Huyện Nhơn Trạch		1,34	5254/UB ND-CN 27/10/201 5	0,06				0,06	0,00	
53	Công ty CPĐT & XD Nhơn Thành (DNTN Huỳnh Minh cũ) ĐT XD khu dân cư theo QH	Xã Đại Phước Huyện Nhơn Trạch		1,34	880/UBN D-KT 27/4/2011	0,06				0,06	0,00	
54	Công ty TNHH Địa ốc Nguyễn Khang (Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp)	Xã Phước An Huyện Nhơn Trạch		1,34	4672/UB ND-KT 19/11/201 4	0,06				0,06	0,00	

55	Công ty TNHH Đóng tàu Thủy triều AQUA- RHUM (Bến thuyền)	Xã Phú Hữu Huyện Nhơn Trạch		1,34	1328/UB ND-KT 06/7/2012	0,06	0,06					0,06	0,00	
56	Công ty CP lắp máy Điện nước & XD khu nhà ở XH	Xã Phước An Huyện Nhơn Trạch		1,34	5754/UB ND-CN 30/8/2017	0,06	0,06					0,06	0,00	
57	Công ty TNHH Gia Huy XD Nhà máy SX đồ gỗ mỹ nghệ XK	Xã Phú Thành Huyện Nhơn Trạch		1,34	1291/UB ND-KT	0,06	0,06					0,06	0,00	
58	Công ty CP Tập đoàn Đại Viễn Dương XD nhà máy nhuộm ren XK & thủ công mỹ nghệ	Xã Phú Thành Huyện Nhơn Trạch		1,34	2897/QĐ- UBND	0,06	0,06					0,06	0,00	
59	Dự án đường vào KCN Ông Kèo (Giai đoạn 1)	Xã Phước Khánh Huyện Nhơn Trạch		1,34		0,06	0,06					0,06	0,00	
60	Dự án mở rộng đường Tôn Đức Thắng (25B)	Long Tân Phú Thành Nhơn Trạch		1,34		0,06	0,06					0,06	0,00	
61	Dự án Kênh Bà Kỳ	Thị trấn Hiệp Phước Xã Long Thọ Huyện Nhơn Trạch		1,34		0,06	0,06					0,06	0,00	

62	Hạ tầng khu dân cư phục vụ tái định cư Xã Vĩnh Thanh	Xã Vĩnh Thanh Huyện Nhon Trạch		1,34		0,06		0,06				0,06	0,00	
63	Đường Tôn Đức Thắng (Đoạn từ khu trung tâm Huyện Nhon Trạch đến đường Quách Thị Trang)	Xã Phú Hội Xã Long Tân Xã Phú Thạnh Huyện Nhon Trạch		1,34		0,06		0,06				0,06	0,00	
64	Đường số 7 (đoạn từ KCN 5 đến đường Nguyễn Ái Quốc) GDI	Xã Phước An Xã Vĩnh Thanh Huyện Nhon Trạch		1,34		0,06		0,06				0,06	0,00	
65	Đường Lê Hồng Phong nối dài	Xã Long Thọ Xã Phước An Huyện Nhon Trạch		1,34		0,06		0,06				0,06	0,00	
66	Đường số 13 (đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Nguyễn Ái Quốc)	Xã Phú Hội Xã Long Tân Huyện Nhon trạch		1,34		0,06		0,06				0,06	0,00	
67	Đường vào KCN Ông kèo (Giai đoạn 1)	Xã Vĩnh Thanh Xã Phước Khánh Huyện Nhon Trạch		1,34		0,06		0,06				0,06	0,00	
68	Dự án cầu Bạch Đằng và cầu Hiếu Liêm	Huyện Vĩnh Cửu		1,34		0,06		0,06				0,06	0,00	
69	Dự án Tuyến đường ĐT 768B	Huyện Vĩnh Cửu		1,34		0,06		0,06				0,06	0,00	

70	Dự án hạ tầng trung tâm VHTT Huyện Vĩnh Cửu	Huyện Vĩnh Cửu		1,34		0,06		0,06			0,06	0,00	
71	Dự án Khu du lịch đảo Ó - Đồng trường	Huyện Vĩnh Cửu		1,34		0,06		0,06			0,06	0,00	
72	Các dự án khác	Huyện Vĩnh Cửu		1,34		0,03				0,03	0,03	0,00	
TỔNG CỘNG: GIAI ĐOẠN 2020-2025 = A + C				1,34		181,66	100,00	81,64	0,00	0,07	181,66	100	